

Bản án số: 176/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 20 tháng 9 năm 2024  
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Nguyên Châu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Văn Nở
2. Ông Trần Cao Nguyên

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hữu Yến Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 513/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1990

Nơi cư trú: Tổ 9 Tây Nam 1 (hiện nay là số 151/6 Dương Văn N), phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*- Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1979

Nơi cư trú: Tổ I T (hiện nay là số 151/6 Dương Văn N), phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 106, quyển số 01/2010 ngày 27/8/2010. Trong quá trình chung sống,

ông T1 không có công ăn việc làm ổn định lại hay cờ bạc, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bà và ông T1 đã ly thân được hơn 09 (chín) tháng. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên đề nghị được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1. Về con chung: bà và ông T1 có một con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 23/01/2012. Bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K đến khi cháu trưởng thành và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do; do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn cũng như không tiến hành hòa giải được.*

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn ông Nguyễn Văn T1. Về con chung: giao trẻ Nguyễn Duy K, sinh ngày 23/01/2012 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng: Bà T không có yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết. Về án phí, nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thu T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn T1. Ông T1 có địa chỉ cư trú tại thành phố N, tỉnh Khánh Hòa nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử

vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 106, quyển số 01/2010 ngày 27/8/2010 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Thu T, quá trình chung sống, ông T1 không có công ăn việc làm ổn định lại hay cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa làm việc nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, chứng tỏ bị đơn ông T1 không có thiện chí đoàn tụ gia đình với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị ly hôn của bà T là chính đáng, có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Theo giấy khai sinh và lời khai của nguyên đơn thể hiện bà T và ông T1 có một con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 23/01/2012; bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu K. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện bà T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Tại bản tự khai ngày 15/7/2024 cháu K trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung phát triển toàn diện và được sống ổn định nên giao trẻ Nguyễn Duy K cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao con chung trẻ Nguyễn Duy K, sinh ngày 23/01/2012 cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Đồng thời, có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng nuôi con. Quá trình nuôi dưỡng con chung, bà T và ông T1 đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002551 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Nha Trang;
- Chi cục THADS thành phố Nha Trang;
- UBND phường Vĩnh Hải, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (GCNKH số 106, quyền số 01/2010 ngày 27/8/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Nguyên Châu**

